

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày 05 - 02 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Vinh và ông Nguyễn Văn Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Lương – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/2023/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Bà Đàm Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 16/9/2020 bà T có cho bà Đàm Thị N vay 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng), khi vay có viết giấy, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 16/9/2021. Tuy nhiên, sau khi vay cho đến nay đã quá thời hạn trả nợ, bà T đã đòi nhiều lần nhưng bà N chưa trả được khoản tiền gốc, lãi nào.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/12/2023 bà N có đơn kiến nghị cho rằng có một số người đến đòi nợ thay bà T, bà N muốn biết bà T có ủy quyền cho ai không để bà N biết trả nợ thì bà T xác định khoản nợ trên hiện nay chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chứ không ủy quyền cho ai đòi nợ. Đối với việc xem giấy tờ vay gốc thì ngày 23/01/2024 bà T đã tìm thấy giấy vay gốc và hiện đã giao nộp cho Tòa án.

Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu bà Đàm Thị N có nghĩa vụ trả cho bà T 53.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay cho

đến khi trả xong nợ. Nay bà **T** chỉ yêu cầu bà **N** trả 53.000.000 đồng tiền gốc, về lãi suất không yêu cầu. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà **Đàm Thị N** trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 16/9/2020 bà **N** có vay của bà **Huỳnh Thị T** 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng), khi vay có viết giấy, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 16/9/2021. Tuy nhiên, sau khi vay cho đến nay bà **N** chưa trả được khoản tiền gốc, lãi nào.

Bà **N** xác định hiện nay còn nợ của bà **T** 53.000.000 đồng tiền gốc. Nay bà **T** yêu cầu trả 53.000.000 đồng tiền gốc, về lãi suất không yêu cầu thì bà **N** đồng ý. Về phương án trả nợ thì bà **N** xin trả vào ngày 20 hàng tháng số tiền 1.500.000 đồng đến tháng 10/2024. Từ tháng 11/2023 tôi xin trả 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả xong nợ.

Ngày 15/12/2023 bà **Đàm Thị N** có đơn kiến nghị cho rằng khoảng tháng 4/2023 và ngày 13/9/2023 có một số người gặp bà **N** để đòi nợ khoản vay của bà **T**. Do đó, bà **N** muốn biết bà **T** có ủy quyền cho người khác để đòi khoản nợ trên hay không và yêu cầu bà **T** cung cấp giấy vay tiền gốc cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX, thư ký và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 465, 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị T**. Buộc bà **Đàm Thị N** phải cho bà **Huỳnh Thị T** 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng) tiền vay gốc, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà **Huỳnh Thị T** thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu trả lãi nên không xem xét về lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại **huyện K, tỉnh Đắk Lắk** và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà **Đàm Thị N** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự thể hiện: Ngày 16/9/2020 bà **Đàm Thị N** có vay của bà **Huỳnh Thị T** 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng), khi vay có viết giấy, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 16/9/2021. Quá trình vay mượn, các bên đương sự đều xác định sau khi vay bà **N** chưa trả được khoản tiền gốc, lãi nào. Như vậy, sau khi hết thời hạn bà **N** không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn bà **Huỳnh Thị T** khởi kiện buộc bà **Đàm Thị N** trả 53.000.000 đồng tiền vay gốc là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về tiền lãi: Theo giấy vay các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng là cao so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình vay bà **N** chưa trả được khoản tiền lãi nào. Mặt khác, tại đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả gốc và lãi, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc, không yêu cầu trả lãi nên HĐXX không xem xét.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng nguyên đơn ủy quyền cho người khác đòi nợ, HĐXX thấy không có căn cứ bởi lẽ: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp bản gốc giấy vay tiền, đồng thời không thừa nhận ý kiến của bị đơn; bị đơn không giao nộp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình.

[4] Về án phí: Bị đơn bà **Đàm Thị N** phải chịu 53.000.000 đồng x 5% = 2.650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị T**: Buộc bà **Đàm Thị N** phải trả cho bà **Huỳnh Thị T** 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng) tiền vay gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà **Đàm Thị N** phải chịu 2.650.000 đồng (hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho bà **Huỳnh Thị T** 1.325.000 đồng (một triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0003554 ngày 24/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam